CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Ngày 31/12/2025	6,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q4/25
1,876
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 753| 67.0%
YoY: ▲ 289| 18.2%

LN thuần
Q4/25
-8.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼179| -105%
YoY: ▲ 20.8| 71.1%

LN sau thuế
Q4/25
10.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼177| -94.4%
YoY: ▲ 1.15| 11.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
14.1%
YoY: +/-▼ 7.9%

ROE
2025
13.4%
YoY: +/-▼ 90.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 8,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,222
Số lượng CPLH (CP)	347,213,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,770,420
Sở hữu nước ngoài	9.1%
Beta	0.96
EPS	717
P/E	8.9

DT thuần
2025
4,635
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,786| -27.8%

LN thuần
2025
59.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼340| -85.1%

LN sau thuế
2025
250
tỷ VNĐ
YoY: ▼713| -74.0%

Cơ cấu sở hữu

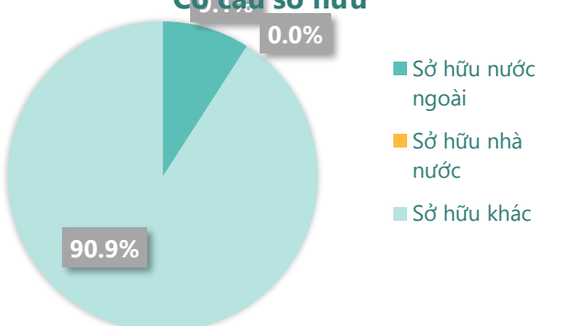

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

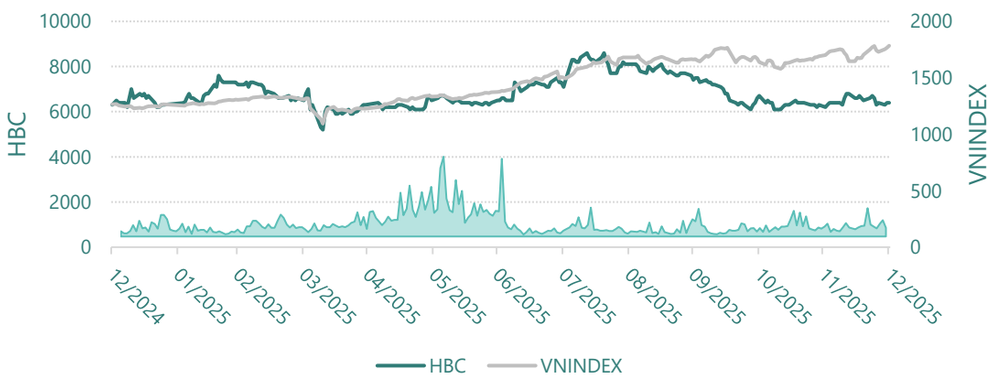

Cơ cấu cổ đông

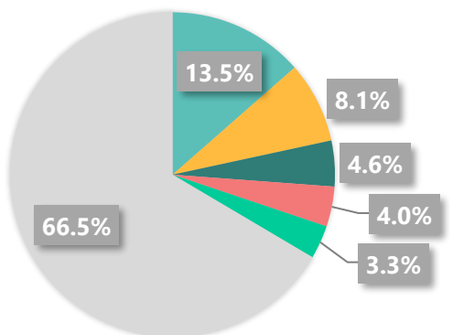

- Lê Viết Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Hyundai Elevator Co., Ltd
- Korea Investment Management Co., Ltd
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

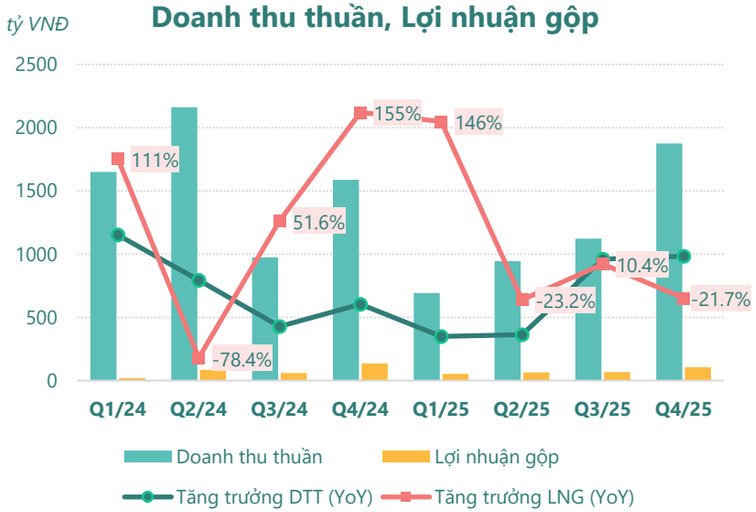

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

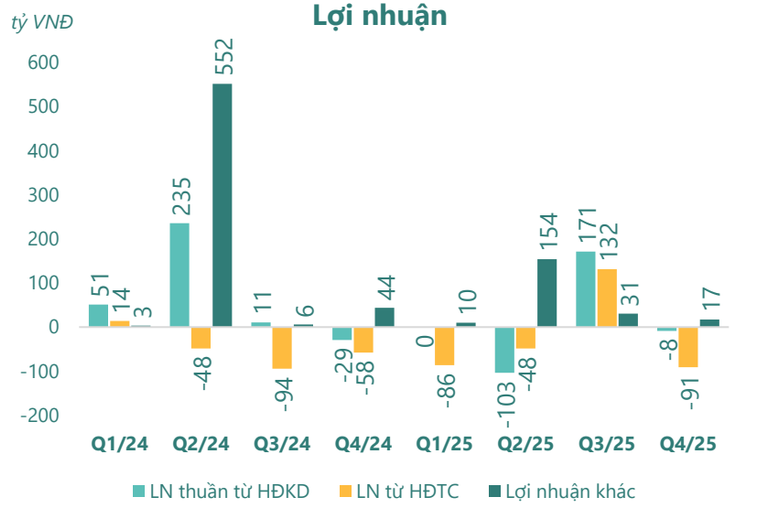

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

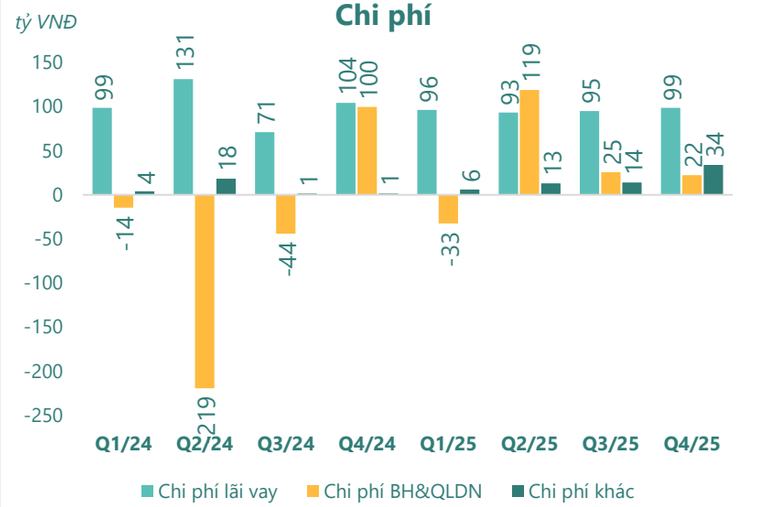

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

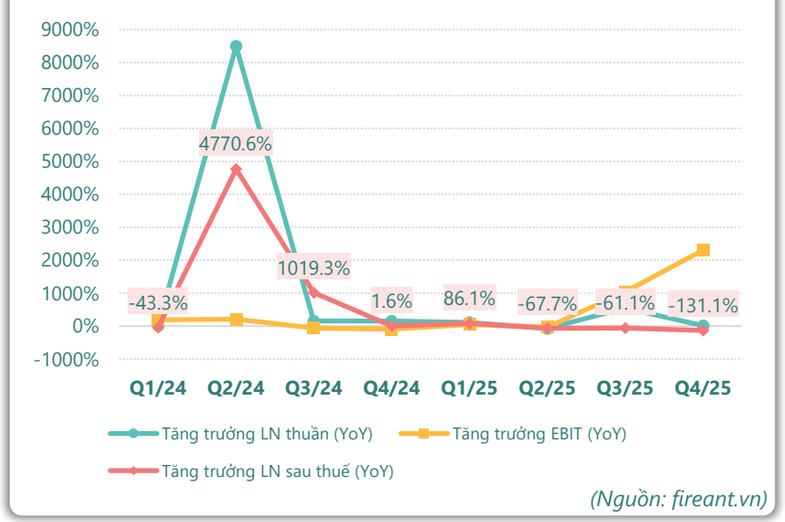

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

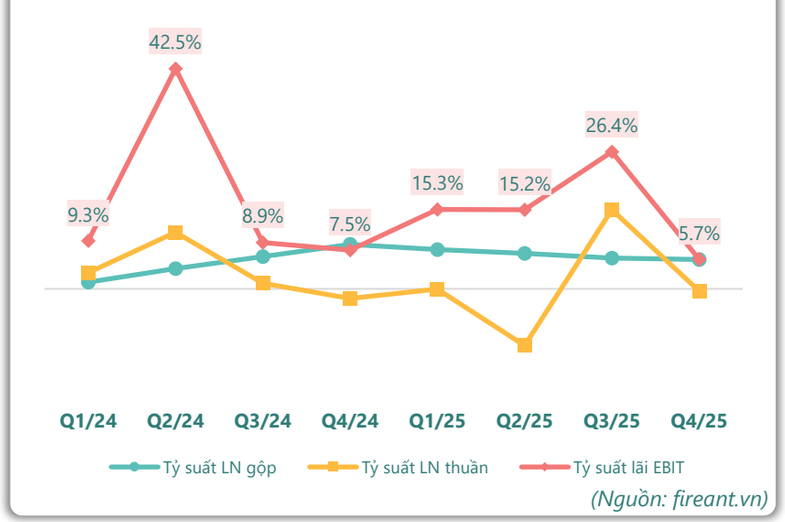

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

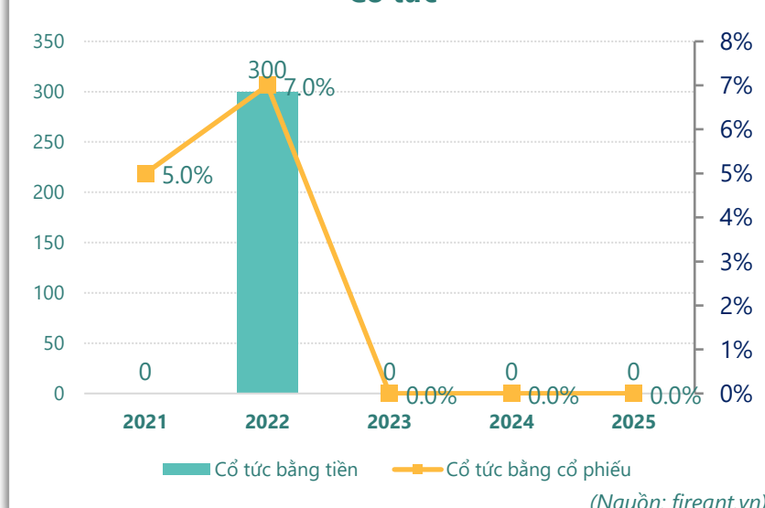

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

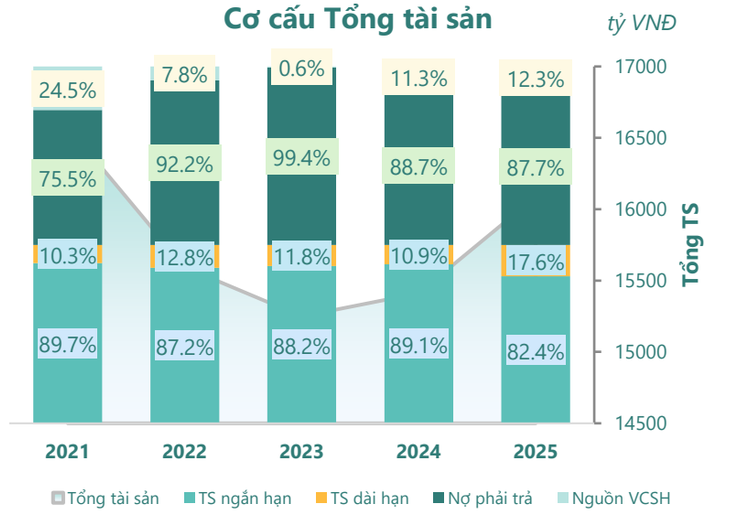

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

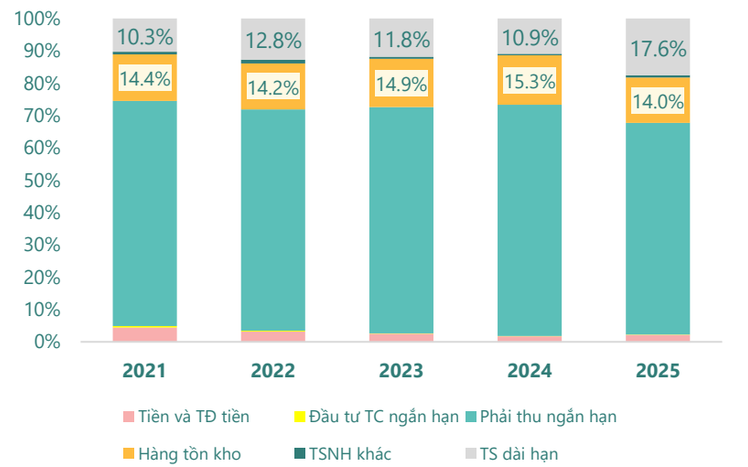

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

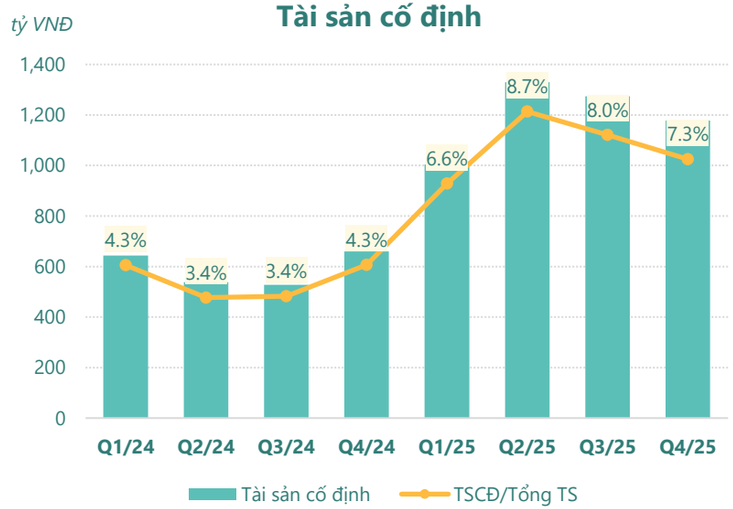

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

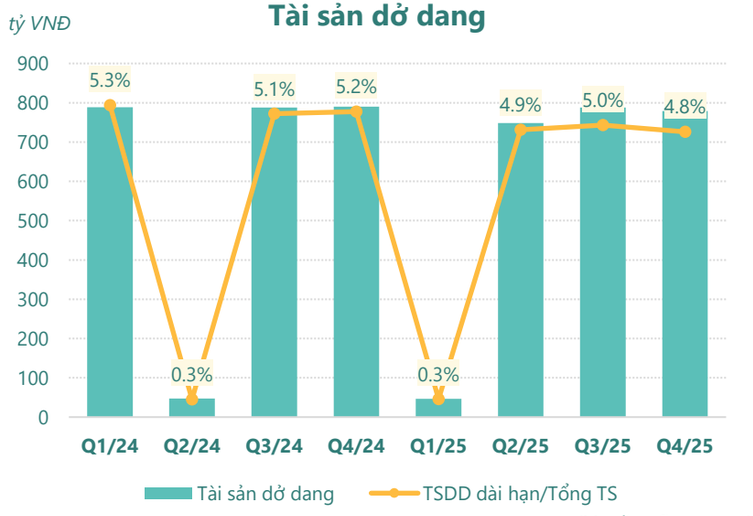

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

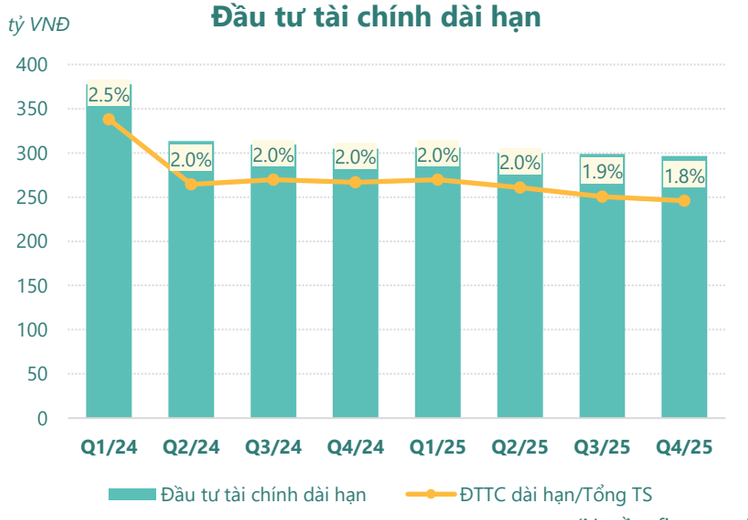

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

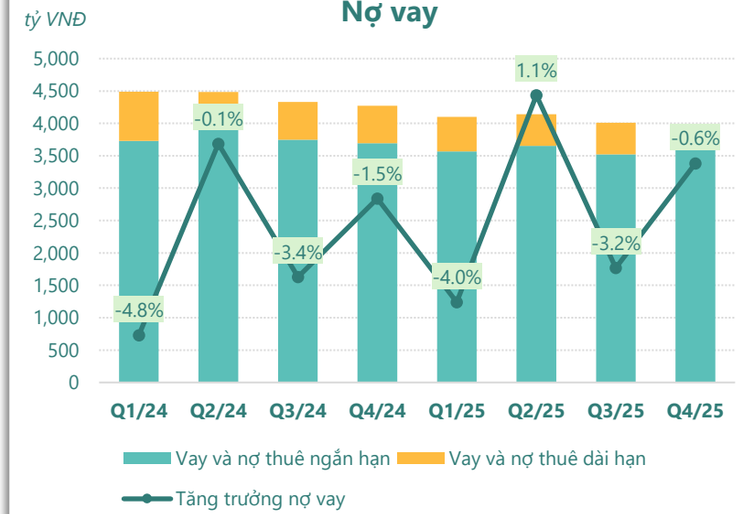

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

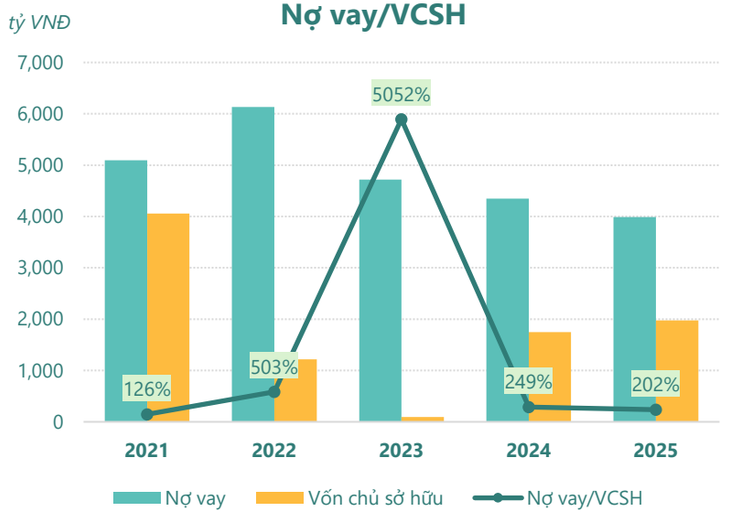

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

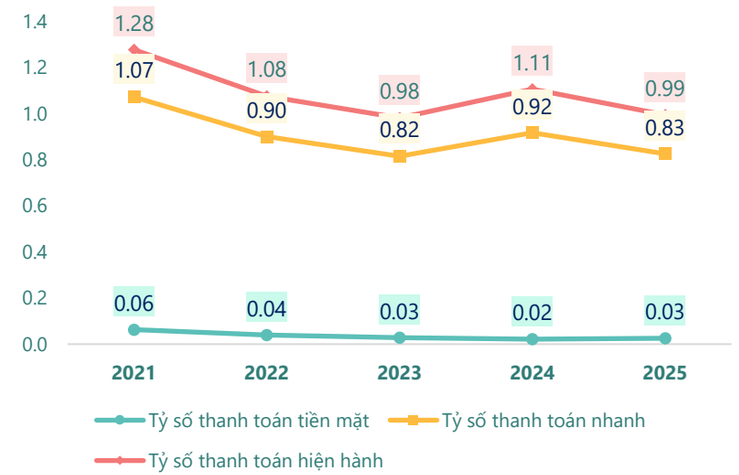

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

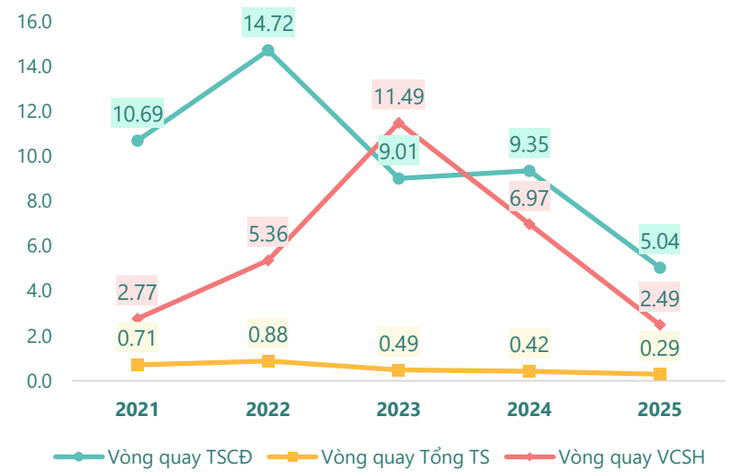

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

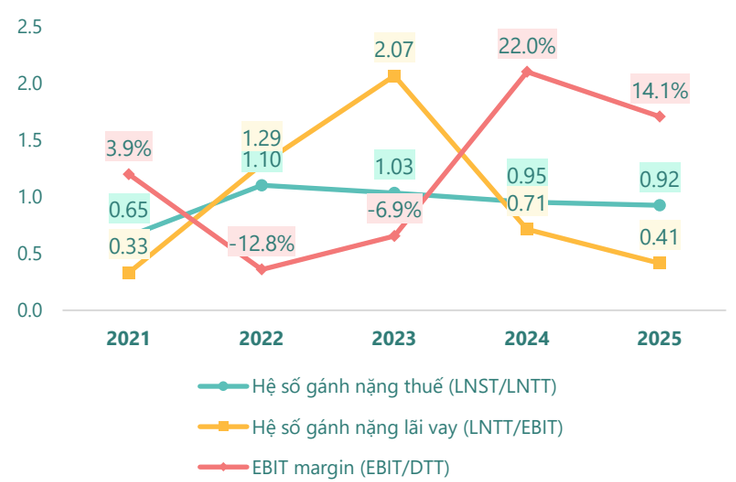

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

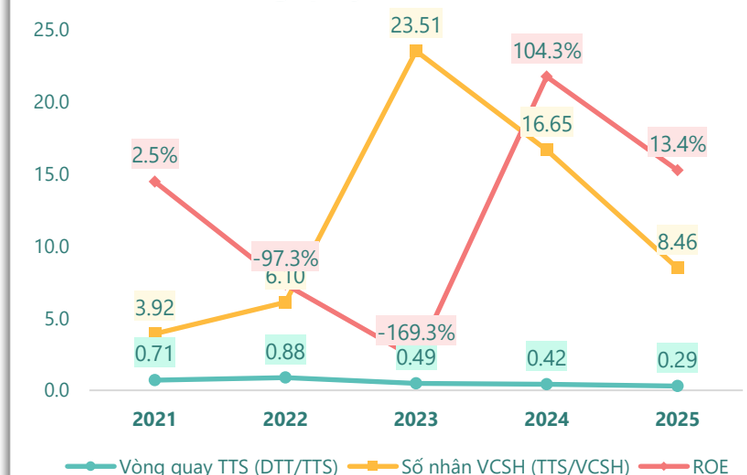

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

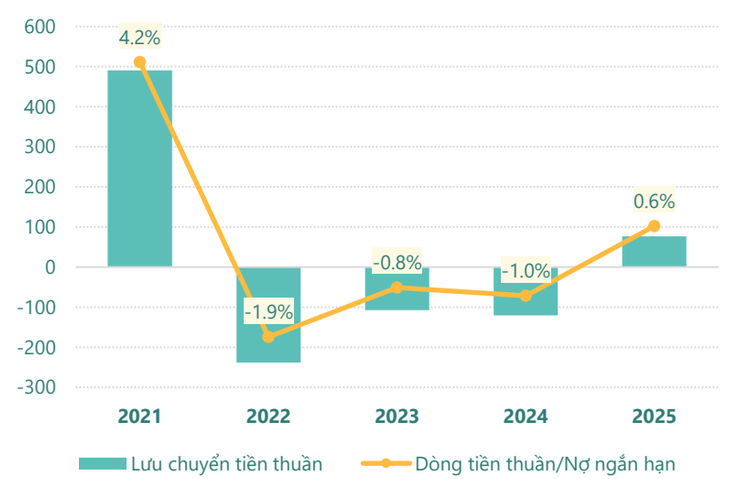

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,876**	**1,587**	**18.2%**	**4,635**	**6,421**	**-27.8%**
Giá vốn hàng bán	1,769	1,451	21.9%	4,344	6,063	-28.4%
Lợi nhuận gộp	107	136	-21.6%	291	358	-18.7%
Doanh thu HĐTC	13.6	48.5	-71.9%	300	245	22.6%
Chi phí TC	105	106	-1.4%	394	408	-3.4%
Chi phí lãi vay	98.6	104	-5.2%	383	404	-5.2%
LN trong công ty LKLD	**-1.99**	**-8.12**	**75.5%**	**-3.15**	**-26.4**	**88.1%**
Chi phí bán hàng	14.0	15.2	-7.9%	39.2	36.2	8.2%
Chi phí QLDN	**8.15**	**84.3**	**-90.3%**	**94.9**	**-267**	**136%**
LN thuần từ HĐKD	-8.44	-29.2	71.1%	59.5	399	-85.1%
Lợi nhuận khác	**16.9**	**43.7**	**-61.3%**	**211**	**611**	**-65.4%**
LN trước thuế	8.47	14.6	-42.0%	271	1,009	-73.2%
Lợi nhuận sau thuế	**10.6**	**9.45**	**11.9%**	**250**	**963**	**-74.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.8**	**12.2**	**-11.3%**	**249**	**960**	**-74.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-190	370	408	298	466	96.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	181	-169	-383	-389	-11.0	-44.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-151	-63.3	-157	57.0	-240	-23.6
Tiền đầu kỳ	305	144	268	136	101	317
Lưu chuyển tiền thuần	**-160**	**138**	**-132**	**-34.4**	**215**	**28.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.09	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	144	282	136	101	317	345

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**16,088**	**15,412**	**4.4%**
Tài sản ngắn hạn	13,262	13,735	-3.4%
Tiền và tương đương tiền	345	268	28.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.3	14.1	-12.9%
Phải thu ngắn hạn	10,536	11,012	-4.3%
Hàng tồn kho	2,259	2,357	-4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	110	83.0	33.1%
Tài sản dài hạn	**2,826**	**1,677**	**68.5%**
Phải thu dài hạn	122	256	-52.4%
Tài sản cố định	1,178	660	78.4%
Bất động sản đầu tư	164	164	0.1%
Tài sản dở dang	779	48.2	1517%
Đầu tư tài chính dài hạn	297	305	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	**281**	**232**	**21.3%**
Lợi thế thương mại	6.06	12.3	-50.5%
Nợ phải trả	14,115	13,664	3.3%
Nợ ngắn hạn	**13,334**	**12,411**	**7.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,922	3,818	2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,166	4,171	-0.1%
Nợ dài hạn	781	1,253	-37.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	66.5	532	-87.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,973**	**1,748**	**12.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,973**	**1,748**	**12.9%**
Vốn điều lệ	3,472	3,472	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)